

SỞ Y TẾ ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN
TỬA CHÙA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BG-TTYT

Tủa Chùa, ngày 22 tháng 5 năm 2024

V/v đề nghị báo giá vật tư y tế, hoá chất,
sinh phẩm chẩn đoán Invitro.

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm chẩn đoán Invitro năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Bùi Đức Long

Chức vụ: Phó trưởng Khoa khoa Dược – TTB - VTYT

Số điện thoại: 0912.298.578

Email: khoaduoc1ttytuachua@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp các hàng hoá gửi báo giá (Bản gốc) trực tiếp hoặc theo dịch vụ chuyên phát tại địa chỉ như sau:

+ Người nhận: Bùi Đức Long

+ Đơn vị tiếp nhận: Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Phong, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. - Đề nghị các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu đính kèm (Mẫu báo giá).

- Ngoài ra trước khi gửi bản gốc báo giá đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá gửi file Scan và file Excel danh mục báo giá qua địa chỉ Email: khoaduoc1ttytuachua@gmail.com

- Lưu ý: Nhà cung cấp chỉ cần đáp ứng cơ bản yêu cầu kỹ thuật tham khảo tại Phụ lục I, II, III, và có thể chào hàng hóa có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (kèm theo tài liệu chứng minh về việc này).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 23 tháng 5 năm 2024 đến trước 17h ngày 01 tháng 6 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro: tại phụ lục I, II, III, kèm theo văn bản này

2. Địa điểm cung cấp vật tư y tế và hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro: Khoa Dược - Trung tâm Y tế huyện Tủa Chùa tại địa chỉ Tổ dân phố Tân Phong, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng

4. Dự kiến thực hiện đấu thầu: tháng 6, 7 năm 2024.

5. Các thông tin khác: không

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên Website của TTYT, MSC
- Lưu: VT, Dược

GIÁM ĐỐC

Điều Chính Thanh

PHỤ LỤC I

(Kèm theo văn bản số: /BG-TTYT ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện
Tủa Chùa)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
1	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết 2 - 4 phút, bột đảm bảo độ trắng, độ mịn, độ cứng, không gây kích ứng. Không bị nứt gãy sau khi bó Kích thước: 10cmx270cm Hoặc tương đương	Cuộn	480
2	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết 2 - 4 phút, bột đảm bảo độ trắng, độ mịn, độ cứng, không gây kích ứng. Không bị nứt gãy sau khi bó Kích thước: 15cmx270cm Hoặc tương đương	Cuộn	200
3	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết 2 - 4 phút, bột đảm bảo độ trắng, độ mịn, độ cứng, không gây kích ứng. Không bị nứt gãy sau khi bó Kích thước: 7,5cmx270cm Hoặc tương đương	Cuộn	480
4	Băng cuộn 15cm x 5m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng. Tốc độ hút nước \leq 5 giây. Độ ngậm nước \geq 5gr nước/1gr gạc. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, cGMP- FDA Hoặc tương đương	Cuộn	2.000
5	Băng cuộn 5cm x 5m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước \leq 5 giây. Độ ngậm nước \geq 5gr nước/1gr gạc. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, cGMP- FDA Hoặc tương đương	Cuộn	1.000
6	Băng keo lụa 5cm x 5m	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm ² . Bờ rãnh cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m. D19 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	800

7	Băng dính y tế	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. Lõi nhựa liên cánh bảo vệ, nguyên liệu các nước G7, được lưu hành tại các nước liên minh châu Âu.	Cuộn	800
8	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt, 24mmx55m, vạch chỉ thị chuyển Trắng ngà sang Nâu sẫm/đen, chứa chất bám dính 10-20%, chất dẻo acrylic polymer 2-5%. Không chứa chì. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016. Không đổi màu sau ít nhất 6 tháng tiệt khuẩn.	Cuộn	25
9	Bộ rửa dạ dày	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín. Làm bằng mù cao su tự nhiên. Được đóng gói riêng lẻ trong túi	Bộ	10
10	Bơm cho ăn 50ml	Xylanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xylanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. Độc xylanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	1.000
11	Bơm hút thai 1 van	Bơm hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kinh nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung. Thể tích bơm 60ml. Tay cầm thuận tiện, dễ sử dụng bằng 1 tay; 1 van có khóa nút bấm có tác dụng giữ và giải phóng áp lực chân không. Dai hãm cổ bơm giữ cho Piton không bị tuột khỏi ống bơm.	Cái	10
12	Bơm tiêm insulin sử dụng một lần 1ml	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt	Cái	300
13	Bơm tiêm nhựa 10ml	Xylanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485.	Cái	30.000

14	Bơm tiêm nhựa 1ml	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485,	Cái	2.000
15	Bơm tiêm nhựa 20ml	Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485.	Cái	2.000
16	Bơm tiêm nhựa 50ml	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE ,EN ISO 13485.	Cái	1.000
17	Bơm tiêm nhựa 5ml	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485.	Cái	180.000
18	Bông gạc 6cm x 15cm vô trùng	Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước. Đặc tính Bông hút nước: - Khả năng giữ nước $\geq 20\text{g}$ nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: thời gian chìm không quá 10 giây; - Trọng lượng: 38g/m ² .	Cái	4.000
19	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$; Độ ẩm: $\leq 8\%$; Đạt tiêu chuẩn	Kg	200

20	Bóp bóng người lớn, trẻ em	Bóp bóng hỗ trợ hô hấp nhân tạo bằng PVC, loại dùng một lần. Chỉ sử dụng cho một bệnh nhân; Bao gồm túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn.	Bộ	10
21	Chỉ lạnh 20g	Có các size và chiều dài như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Size 20 160m • Size 30 190m • Size 40 220m • Size 50 260m • Size 60 300m • Size 70 320m • Size 80 360m • Size 100 430m Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	50
22	Chỉ tiêu liên kim số 2/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 2/0, bằng Polyglactin 910, dài 75cm, tiết trùng, 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Sợi	1.000
23	Chỉ tiêu liên kim số 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0, bằng polyglactin 910, dài 75cm, tiết trùng, 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE.	Sợi	300
24	Chỉ tiêu liên kim số 4/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 4/0, bằng Polyglactin 910, dài 75cm, tiết trùng, 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Sợi	300
25	Chỉ tiêu liên kim số 1/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 1/0, bằng Polyglactin 910, dài 90cm, tiết trùng, 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE.	Sợi	1.000
26	Cidex OPA hoặc tương đương	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Can 3.78l. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO: 13485 hoặc tương đương.	Can	25
27	Cidezyme hoặc tương đương	- Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme. - Thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút, ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu. Chai 1 lít. - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485, CFS hoặc tương đương.	Chai	15
28	Cốc đựng đờm	Chất liệu nhựa PVC	Cái	2.000

29	Cồn 96 độ	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Lít	10
30	Đầu côn vàng	Làm bằng nhựa PP (có khóa). Thể tích tối đa 200ul.	Cái	2.000
31	Đầu côn xanh	Làm bằng nhựa PP (có khóa); Thể tích tối đa 1000ul.	Cái	1.000
32	Dây cho ăn các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	300
33	Dây Garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2 Hoặc tương đương	Cái	50
34	Dây hút nhớt	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	1.000
35	Dây nối máy bơm tiêm điện 140 cm	Dây nối bơm tiêm điện 140cm. Dây chất liệu PVC không Latex. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chiếc	1.000
36	Dây thở oxy các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái	1.500

37	Dây truyền dịch cho máy truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế - Cửa chích thuốc an toàn ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡng - Có chứng nhận EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC Hoặc tương đương	Cái	2.000
38	Dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5 ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500 mm. Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm 23Gx3/4" giúp cố định dễ dàng chắc chắn. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4: 2008	Bộ	20.000
39	Dây truyền dịch kim thường	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1500 mm. Dây truyền dịch kèm kim thường. Đầu nối Luer lock. Có bầu cao su tiếp thuốc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	10.000
40	Dây truyền máu	Chất liệu nhựa y tế không chứa DEHP. Dài: ≥ 150 cm. Tốc độ dòng chảy có thể điều chỉnh: ≥ 20 giọt/mL. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	100
41	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần	Que đè lưỡi gỗ được làm từ gỗ tự nhiên, không lõi, không cong vênh, được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm.	Cái	14.000
42	Điện cực dán cho máy điện tim dùng 1 lần	Hình dạng giống giọt nước, kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm ² , vùng chất gen 401 mm ² , vùng dán 616 mm ² , vùng phân tử nhạy 78,5 mm ² , độ dày sản phẩm 0,8 mm. Hoặc tương đương	Cái	2.100
43	Đinh Kirschner các kích cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính 1.0 đến 3.0mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương	Cái	240
44	Đồng hồ Ô-xy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Bộ bao gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo ẩm.	Cái	10

45	Dung dịch Fucsin	Chai chứa ≥ 250 ml Carbol Fuchsin. Thực hiện nhuộm soi xét nghiệm vi sinh vật từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm. - Thành phần: Carbol Fuchsin (0,3%), Phenol, Ethanol. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm	ml	2.000
46	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh loại 1 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v); và các chất phụ gia, chất dưỡng da vừa đủ 100%. Chai 1 lít. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	300
47	Dung dịch sát khuẩn vết thương 500ml	- Thành phần: 10%w/v povidone iodine. - Tác dụng: Tẩy và sát trùng vùng da lành hoặc các vết thương và viêm da vi khuẩn, nấm không rỉ nước.	Chai	400
48	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%	Chai	100
49	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%.	Chai	100
50	Dung dịch xanh methylen	Môi trường phân biệt đa năng. Thành phần gồm: Peptone mixture 12.5g/lit, Lactose 10.0g/lit, Dipotassium hydrogen phosphate 2.0g/lit, Eosin yellow 0.4g/lit, Methylene blue 0.1g/lit, Agar 15.0g/lit. pH cuối cùng: 6.8 ± 0.2 . Đạt tiêu chuẩn ISO	ml	2.000
51	Gạc cầu fi 30 x 1lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Được đóng gói Tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	8.000
52	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Chứng nhận đăng ký FDA	Cái	60.000
53	Gạc phẫu thuật 20 x 20cm x 3 lớp vô trùng	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1g gạc. Chất tan trong nước $<0,5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, FDA, GMP, CE	Miếng	10.000

54	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp, cân quang vô trùng	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5g nước/1g gạc. Chất tan trong nước <0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: ≥ 80 ± 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, FDA, GMP, CE	Cái	5.000
55	Găng tay kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm ² . Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm ² .	Đôi	200.000
56	Găng tay tiệt trùng các số	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm ² , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO.	Đôi	20.000
57	Gel siêu âm	- Gel siêu âm, can 5 lít. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485.	Can	30
58	Giấy điện tim 3 cần	Giấy 3 cần MC6330/16R2 phù hợp với máy của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485, Hoặc tương đương	Cuộn	100
59	Giấy in nhiệt 5.5 cm	Chiều rộng 5,5 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, Hoặc tương đương	Cuộn	100
60	Giấy in nhiệt 5cm	Chiều rộng 5 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Cuộn	100
61	Giấy siêu âm 11cm x 20m	Kích thước 11cm x 20m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016. Phù hợp với máy siêu âm Sony Hoặc tương đương	Cuộn	150
62	Hộp inox đựng bông cotton	Vật liệu thép không gỉ	Cái	40
63	Huyết áp cơ	* Dải đo: 20 - 300mmHg * Độ phân giải đo: 2mmHg * Độ chính xác: ± 3 mmHg: 180C tới 330C; ± 6 mmHg: 340C tới 460C * Hệ thống khí: Băng quấn Velcro với túi cao su : Quả bóp có van * Trọng lượng: 430g	Cái	50
64	Kẹp rôn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Cái	1.000

65	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng + 2 lớp ngoài vải không dệt + Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Đóng gói riêng biệt, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	20.000
66	Khí oxy trong bình	Bình 40 lít.	Bình	350
67	Khí oxy trong bình	Bình 10 lít.	Bình	30
68	Khóa 3 chạc không dây nối	Làm bằng nhựa nguyên sinh y tế, chống đứt gãy, đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối chất liệu PCV. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2012 hoặc tương đương.	Cái	1.000
69	Kim cánh bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock.	Cái	20.000
70	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Cái	15.000
71	Kim chích máu	Chất liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn	Cái	2.000
72	Kim chọc dò tủy sống các cỡ 18-27G	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G25 G27, sắc bén Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Cái	500
73	Kim khâu phẫu thuật tròn + 3 cạnh các số	<ul style="list-style-type: none"> Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Công dụng: dùng để khâu vết thương. 	Cái	200
74	Kim lấy thuốc các số	Kim các số G18, G20, G23, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	180.000
75	Kim luân tĩnh mạch an toàn các số	Kim luân tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cảnh quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc có đầu bảo vệ an toàn bằng nhựa vuông, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Màng kỵ nước chống máu tràn ra..Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xấp ở chuôi kim Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu nhạt; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1- 3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;	Cái	20.000

76	Kim nha khoa cỡ 27G	Cỡ kim: 27G- Chiều dài kim: 21mm, kim chịu bền tốt, chỉ số vát cạnh hữu dụng. Tiết trùng bằng etylen dioxit. - Vật liệu: Kim: Inox, Đốc kim: PP	Cái	1.000
77	Lam kính	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Kính mài mờ 1 đầu. Hoặc tương đương	Miếng	2.000
78	Lưỡi dao phẫu thuật tiết trùng (bầu + lá lúa)	Chất liệu : Thép không gỉ. Sử dụng cho các phẫu thuật Mắt, tai mũi họng , thẩm mỹ ... Hoặc tương đương	Cái	2.000
79	Mas khí dung	Chất liệu nhựa PVC y tế. Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 2m. Dây đeo co giãn. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	300
80	Natri clorid dùng ngoài	Dung dịch trong, không màu. Chai 520ml, mỗi chai chứa: NaCl 4.68gam, nước vừa đủ 520ml. Giúp vệ sinh răng, miệng, họng, rửa mũi.	Chai	480
81	Nẹp bản hẹp dùng trong phẫu thuật xương	Chất liệu thép không gỉ. Lỗ vít 4.5mm. Có từ 5 đến 16 lỗ. Khoảng cách các lỗ 16mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương	Cái	40
82	Nhiệt kế thủy ngân	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	400
83	Ống hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái	100
84	Ống hút thai các số	Chất liệu nhựa y tế. Các cỡ 5,6,7, vô khuẩn. Sử dụng 1 lần.	Cái	1.500
85	Ống nghe	Tai (2 mặt) Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hoá Bộ phận khuếch đại âm thanh Làm bằng chất liệu Aluminum Dây chữ Y bằng PVC (Xám hoặc đen)	Cái	50
86	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp màu xanh dương bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: EDTA K2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	12.000
87	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	12.000
88	Ống nghiệm thủy tinh 1 x 7cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước 1 x 7cm	Ống	1.000
89	Ống nghiệm thủy tinh 1, 5 x 18cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước 1, 5 x 18cm	Ống	10.000

90	Ống nhựa parafin tiệt trùng 10ml	Dầu Parafin vô khuẩn. Thể tích 10ml. Đạt tiêu chuẩn TCCS hoặc tương đương.	Ống	500
91	Ống nội khí quản có cóp các số	<ul style="list-style-type: none"> - Nhựa PVC y tế cao cấp, trong suốt - Bóng thể tích lớn, áp lực thấp an toàn khi lưu lâu - Mút Murphy mịn - Van có đầu bơm cho ống khóa luer - Bộ nối tiêu chuẩn 15mm - Đường phản quang X-ray dọc theo ống dây - Có các số 	Cái	200
92	Oxy già Hydrogen peroxide	H ₂ O ₂ ; Chai 500ml	Chai	40
93	Phim XQ 25x30cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3	Tờ	15.000
94	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây đọng dịch máu trong dây.	Cái	200
95	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số . Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	600
96	Sonde Nelaton các số	Ống dài ≥ 40cm, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.500
97	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG). Tiêu chuẩn ISO 13485:2003.	Cái	500
98	Than hoạt tính	Bột màu đen, không mùi, không vị	Kg	3
99	Túi máu đơn 250ml	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần, trong túi có dung dịch chống đông CPDA-1. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Túi	20
100	Túi nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Cái	1.000
101	Viên khử khuẩn	<p>Thành phần: 2,5g Troclosense sodium 50% Viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP hoặc tương đương</p>	Viên	15.000

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo văn bản số: /BG-TTYT ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện
Tủa Chùa)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
1	Test nhanh chẩn đoán giang mai	<p>Phát hiện kháng thể kháng syphilis trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương của người.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC- Phân loại trang TBYT loại D- Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100%- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần- Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng nguyên TP K011B (0,16 µg)- Vạch kết quả Kháng nguyên TP K011A (0,2 µg);- Vạch chứng: Kháng thể thô kháng TP (0,88 µg)- Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	500
2	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	<ul style="list-style-type: none">- Độ nhạy $\geq 98,4\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. Giới hạn phát hiện $\leq 0.1\text{IU/ml}$.- Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút. Không cần sử dụng dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.- Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test) <p>Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.</p> <p>Chứng chỉ xét nghiệm: CE IVD; WHO PQ. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại Nhật Bản.</p>	Test	3.000
3	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	<p>Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.</p> <ul style="list-style-type: none">- Độ nhạy: 98,9%- Độ đặc hiệu: 100% <p>Không bị ảnh hưởng bởi các hợp chất thường hiện diện trong mẫu: Ribavirin, Caffein, Ethanol, máu toàn phần của phụ nữ mang thai,...Không phản ứng chéo với các chủng vi sinh vật: Viêm gan A, B, Influenza A/B, Dengue, Rotavirus, Syphillis, Rubella, Salmonella,...</p> <p>Bảo quản: 2-40oC Nằm trong danh sách WHO PQ Thành phần chính: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người, kháng thể đơn dòng kháng IgY gà, Kháng nguyên HCV NS3/NS4/NS5/lõi tái tổ hợp - gắn keo vàng; IgY gà-gắn keo vàng</p>	Test	1.000

4	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	<p>Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HCV tái tổ hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 99.05%; - Độ đặc hiệu tương quan: 99.46%; - Độ chính xác tương quan: 99.33%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% <p>Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, HAV, HIV, Dengue, Syphilis, TB, H. Pylori, RF.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi EDTA nồng độ 3.4 $\mu\text{mol/L}$ và Sodium citrate nồng độ 3.8%</p> <p>Phân loại TTBYT: D</p> <p>Đọc kết quả tại 15 phút.</p>	Test	1.000
5	Test phát hiện kháng thể virus HIV	<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. Sản xuất tại nước thuộc G7. 	Test	3.000
6	Test nhanh phát hiện kháng thể HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C 	Test	500
7	Test phát hiện kháng thể virus HIV	<p>Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường 	Test	1.500

8	Test nhanh phát hiện ma túy 4 chân	<p>Dạng cassette, Ngưỡng phát hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml <p>Độ nhạy và độ đặc hiệu > 99,9%</p> <p>Thành phần: kháng thể dê kháng IgG thô, kháng thể chuột kháng MOP, MET, MDMA, THC; kháng nguyên MOP, MET, MDMA, THC.</p>	Test	3.000
9	Que thử đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD). - Thời gian đo: 10 giây. - Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL. - Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch. - Phạm vi HCT: 25 - 60%. - Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL). - Điều kiện bảo quản que thử: 2 - 35°C. 	Test	2.000
10	Test thử nước tiểu 11 thông số	<p>Các thông số đo được: Glu (Glucose), Pro (Protein)m, pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid).</p> <p>Hoặc Tương đương</p>	Test	10.000

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo văn bản số: /BG-TTYT ngày 22 tháng 05 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện
Tủa Chùa)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/Khối lượng
I. Thành phần I máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu Convergys x3				
1	Dung dịch pha loãng	* Thành phần hóa học: Natri Clorua: <1,5% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Thùng	30
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	* Thành phần hóa học: Chất hoạt động bề mặt: <3.5% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Chai	20
3	Dung dịch rửa máy	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: <1% Chất đệm: <1.0% Chất bảo quản: <0.5% Chất ổn định: <0.5% còn lại là nước không I-on	Chai	15
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	* Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa: <1% Natri Hipoclorit : <1,2% Natri Hydroxit : <0,5% Chất ổn định: <0,5%	Lọ	03
5	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm huyết học	Được dùng để theo dõi độ chính xác và độ chính xác của máy phân tích huyết học loại trở kháng tự động và bán tự động. Lọ ≥3ml	Lọ	05
II. Thành phần II hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU-480, BS-380, CS-t300.				
1	Acid Uric	* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate (pH: ≥7.4): ≥4,7 g/L 2-4 Dichlorophenol Sulfonate: ≥ 0,97 g/L + R2 Peroxidase: < 600 U/L Uricase: < 50 U/L Ascorbate Oxidase: < 180 U/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 0,2 g/L - Bước sóng phân tích: 520nm	Hộp	03

2	Amylase	<p>* Thành phần hóa học: MES (pH ≤6.0): ≤19,5 g/L CNP3: ≤1,5 g/L Sodium chloride: ≤20,4 g/L Calcium acetate: ≤0,95 g/L Potassium thiocyanate: ≤87,5 g/L Sodium azide: ≤0,95 g/L</p>	Hộp	05
3	Bilirubin	<p>* Thành phần hóa học: + R1: Phosphate Buffer: ≤50 mmol/L NaCl: ≤150 mmol/L Chất tẩy rửa + R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt: ≤5 mmol/L HCl: ≤130 mmol/L Chất tẩy rửa</p>	Hộp	03
4	Dung dịch hiệu chuẩn cho máy sinh hóa (Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa)	<p>Quy cách đóng gói: 3x3 mL Đơn vị tính: Hộp Chất hiệu chuẩn hóa sinh * Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái vật lý: Chất rắn, đông khô - Hòa tan trong nước: hòa tan</p>	Hộp	06
5	Creatinine	<p>* Thành phần hóa học: + R1: Sodium Hydroxide: ≤11.6 g/L +R2: Picric acid: ≥4 g/L</p>	Hộp	10
6	Cholesterol	<p>* Thành phần hóa học: Phenol: ≥2,4 g/L Cholesterol esterase: ≥800U/L Cholesterol oxidase : ≥250 U/L Peroxidase: ≥500 U/L 4-minoantipyrine: ≥0,08 g/L PIPES (pH ≥6.9): ≥27,3 g/L</p>	Hộp	02
7	Dung dịch kiểm tra (Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa) mức trung bình	<p>Hóa chất kiểm chuẩn cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti-HCV và anti HIV1+2.</p>	Hộp	06

8	Dung dịch kiểm tra (Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hóa) mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: Gerpath là một vật liệu kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và nó chứa tinh khiết người, động vật và các thành phần vô cơ. Các thành phần hoặc là tại ranh giới bệnh lý hoặc ở mức độ bệnh lý.	Hộp	02
9	Dung dịch rửa máy	thành phần: Sequestering agent content (alkalimetric): 8.5-10%. Density (d 20°C/4°C) 1.05 - 1.09. Free alkali (as NaOH) 1.5 - 2.5 % Phosphate (PO ₄) ≤ 0.002 %	Can	35
10	Glucose	* Thành phần hóa học: TRIS buffer (pH: ≥7,4): ≥27,9 g/L Phenol: ≥28 mg/L 4-Aminoantipyrine: ≥0,5 mg/L Glucose Oxidaze: ≥15 kU/L Peroxidase: ≥1 kU/L	Hộp	10
11	GOT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: ≤7,80) : ≤9.7 g/L L-Aspartate : >150 mmol/L MDH : >500 U/L LDH : >700 U/L + R2: α-ketoglutarate : ≥1,54 g/L NADH : ≥0,12 g/L	Hộp	10
12	GPT	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: ≥7,80) : ≥12,1 g/L L-Alanine : > 400 mmol/L LDH : > 1000 U/L + R2: α-ketoglutarate : ≥1,92 g/L NADH : ≥0,12 g/L	Hộp	10
13	Total Protein	* Thành phần hóa học: Potassium sodium tartrate : ≤4,2 g/L Copper sulphate : ≤3,03 g/L Potassium iodide : ≤0,83 g/L Sodium iodide : ≤15 g/L	Hộp	02

14	Triglycerid	* Thành phần hóa học: Good's buffer (pH: ≥ 6.3) : ≥ 50 mmol/L p-Chlorophenol : $\geq 0,25$ g/L ATP : ≥ 0.05 g/L Peroxidase (POD) : > 400 U/L Glycerolkinase (GK) : > 400 U/L Lipoprotein lipase (LPL) : > 120000 U/L 4-Aminoantipyrine : $\geq 0,02$ g/L Glycerol-3-phosphate-oxidase : > 3000 U/L	Hộp	03
15	Urea	* Thành phần hóa học: + R1: TRIS (pH: $\geq 7,80$) : ≥ 9.7 g/L 2-Oxoglutarate : $\geq 0,87$ g/L Urease : > 70000 U/L + R2 NADH : $\geq 0,21$ g/L GLDH : > 50000 U/L	Hộp	10
16	Calcium	* Thành phần hóa học: Imidazol buffer (pH: 6.5): ≥ 6.8 g/L Arsenazo III: ≥ 93 g/L Calcium Standard: ≥ 10 mg/dL (≥ 2.5 mmol/L)	Hộp	02
17	GGT	* Thành phần hóa học: + R1 TRIS (pH: ≥ 8.60): ≥ 12.1 g/L Glycylglycine: ≥ 13.2 g/L + R2: L- γ -Glutamyl-3 carboxy-4 nitroanilide: ≥ 3 mmol/L	Hộp	05
18	Iron	* Thành phần hóa học: + R1: Acetate Buffer (pH: 4,5) : ≤ 1000 mmol/L Thiourea : ≤ 120 mmol/L + R2: Ascorbic acid: ≤ 240 mmol/L Ferane : ≤ 3 mmol/L Thiourea : ≤ 120 mmol/L	Hộp	03
19	Albumin	* Thành phần hóa học: Bromocresol green: $\leq 0,12$ mmol/L	Hộp	02
III. Thành phần III test cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động (AFIAS)				

1	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng TSH	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (Túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, C-tip (theo yêu cầu), Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có hai thành phần, một phần phát hiện và một phần cartridge.</p> <p>- Phần cartridge chứa một dải xét nghiệm, màng có kháng TSH người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgY của gà ở vạch kiểm soát.</p> <p>- Phần phát hiện (detector) có chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng TSH người, chất liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide trong nước muối đệm phosphat (PBS) làm chất bảo quản.</p> <p>- C - tip (Đầu tip mao dẫn) là một công cụ hữu ích ở khu xét nghiệm nhanh tại chỗ đòi hỏi một lượng nhỏ máu mao mạch từ đầu ngón tay, vị trí gót chân (ở trẻ sơ sinh) hoặc vành tai.</p> <p>*Dải làm việc: Mẫu huyết thanh/ huyết tương: 0.09-80.0 μIU/mL Mẫu máu toàn phần: 0.4-80.0 μIU/mL</p>	test	144
2	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng T4	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Thyroxine tổng số (T4 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người</p> <p>*Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một phần phát hiện (detector) và một phần dung dịch pha loãng.</p> <p>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có liên hợp T4-BSA ở vạch xét nghiệm và streptavidin ở vạch kiểm soát.</p> <p>- Phần phát hiện có một hạt chứa chất liên hợp huỳnh quang kháng T4 người, chất liên hợp huỳnh quang biotin-BSA, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</p> <p>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</p> <p>*Dải làm việc: 10.23 - 300.0 nmol/L</p>	test	144

3	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng T3	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Triiodothyronine tổng (T3 toàn phần) trong huyết thanh/huyết tương người.</p> <p>*Thành phần gồm Cartridge, Pipette tip (túi zip), Túi zip đựng cartridge dự phòng, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một phần phát hiện và một phần dung dịch pha loãng.</p> <p>- Phần cartridge chứa màng được gọi là dải xét nghiệm có chất liên hợp T3-BSA ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát.</p> <p>- Phần phát hiện có một hạt chứa liên hợp huỳnh quang kháng T3 người, liên hợp huỳnh quang kháng IgY gà, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch đệm natri phosphat.</p> <p>- Phần dung dịch pha loãng chứa ANS, tween 20, albumin huyết thanh bò (BSA) làm chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong dung dịch natri hydroxit (NaOH).</p> <p>*Dải làm việc: 0.77-7.7 nmol/L</p>	test	144
4	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng HbA1c	<p>*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng HbA1c (Hemoglobin A1c) trong máu toàn phần của người.</p> <p>*Thành phần gồm Cartridge, C- Tip (10 µL) (túi zip), Túi zip cho cartridge, Hướng dẫn sử dụng và ID chip. Mỗi túi nhôm kín có chứa hai cartridge. Mỗi cartridge được đóng gói trong một túi nhôm có ba thành phần bao gồm một phần cartridge, một đệm phát hiện và một phần đệm tán huyết.</p> <p>- Phần cartridge chứa một que xét nghiệm, màng có kháng HbA1c người ở vạch xét nghiệm, trong khi IgG của thỏ được cố định ở vạch kiểm soát.</p> <p>- Phần đệm phát hiện chứa liên hợp huỳnh quang kháng HbA1c người, liên hợp huỳnh quang IgG kháng thỏ, albumin huyết thanh bò (BSA) như một chất ổn định và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</p> <p>- Phần đệm tán huyết chứa tween 20 và sodium azide làm chất bảo quản trong nước muối đệm phosphat (PBS).</p> <p>*Dải làm việc:</p> <p>- NGSP (%): 4-15 %</p> <p>- IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol</p> <p>- eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL</p>	Hộp	144

IV. Thành phần IV huyết thanh mẫu				
1	Huyết thanh mẫu RH1 (Anti D Rh)	Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Lọ	05
2	Anti A	Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A. Anti A có màu xanh lam Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	05
3	Anti B	Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B. Anti có màu vàng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	05
4	Anti AB	Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B. Anti AB không có màu Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	05
5	Huyết thanh Coombs	Thuốc thử xét nghiệm xác định Anti Human globulin (AHG) phát hiện các phân tử kháng thể không kết tụ cũng như các phân tử bổ sung gắn vào các tế bào đỏ sau các phản ứng kháng nguyên kháng thể.	Lọ	03

MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Mô tả hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.